

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên gói thầu: Mua vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm năm 2026
- Chủ đầu tư: Bệnh viện Đa khoa khu vực Cam Ranh
- Nguồn vốn: Nguồn thu hoạt động sự nghiệp
- Thời gian thực hiện: 365 ngày
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ.
- Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

STT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
I	VẬT TƯ			
1	Băng bột bó thạch cao nguyên chất	Kích cỡ: 6" (15cm) dài 2,7m Làm từ bột thạch cao liên gạch (Thạch cao ≥97%, gạch 100% cotton). Vỏ là giấy bạc chống ẩm, lõi nhựa 4 cạnh, 2 cạnh phình to ở giữa giúp thấm nước đều và giữ băng bột. Bột đảm bảo độ cứng, độ trắng, độ mịn. Thời gian đông kết: < 3 phút. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cuộn	3.600
2	Băng keo lụa	Kích thước: 2,5cm x 5m. Phần nền: Vải lụa (Vải taffeta Acetate 100% cellulose). Keo: Keo Acrylic hoặc keo dính Oxit kẽm. Không dùng dung môi. Lõi: Nhựa PVC nguyên sinh. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cuộn	10.000

3	Băng keo có gạc vô trùng	Kích thước: 53mm x 70mm. Băng sợi polyester không đan dệt, co giãn, thông thoáng. Keo Acrylic không dị ứng. Gạc thấm hút mạnh với màng PE không gây dính vết thương. Tiệt trùng bằng EO. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO, CE, FDA, TCCS.	Miếng	4.000
4	Băng cố định Catheter chân kim trong suốt	Kích thước: $\geq 9 \times 11$ cm. Chất liệu thường là Polyurethane (PU) siêu mỏng, trong suốt để quan sát chân kim liên tục nhằm phát hiện sớm các dấu hiệu nhiễm khuẩn hoặc thoát dịch. Thường có đường xẻ để ôm sát thân Catheter và các dải băng keo phụ giúp gia cố thêm. Tiệt trùng bằng EO. Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO, CE, FDA, TCCS.	Miếng	100
5	Băng keo chỉ thị nhiệt độ	Kích thước: ≥ 12 mm x 50m. Sử dụng cho nồi hấp tiệt trùng 121 độ C (Nồi hấp trọng lực) và 132 - 134 độ C (Máy hấp có hút chân không). Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO, CE, FDA, TCCS.	Cuộn	12
6	Băng thun 3 móc	Kích thước sử dụng 0,1m x 3m (không tính độ kéo giãn). Độ co giãn: Yêu cầu đạt từ 180% đến 200% so với kích thước ban đầu. Chất liệu: Thường được dệt từ sợi polyester và cao su thiên nhiên. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cuộn	2.500
7	Băng keo thun co giãn	Kích thước: 8cm x 4,5m. Chất liệu: 100% cotton co giãn hoặc vải không dệt có độ thông khí cao, keo là oxyt kẽm không dùng dung môi, có lớp giấy lót bảo vệ. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cuộn	20
8	Băng keo thun co giãn	Kích thước: 10cm x 4,5m. Chất liệu: 100% cotton co giãn hoặc vải không dệt có độ thông khí cao, keo là oxyt kẽm không dùng dung môi, có lớp giấy lót	Cuộn	40

		bảo vệ. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.		
9	Ballon gây mê các cỡ	Chất liệu: Cao su hoặc silicone, đảm bảo độ bền, linh hoạt và an toàn. Kích cỡ: Người lớn, trẻ em, sơ sinh. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	10
10	Bao camera nội soi	Kích thước: 150mm x 235cm. Chất liệu: Màng nhựa PE, vòng nhựa PP chính phẩm. Đóng gói riêng, tiệt trùng bằng EO. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	500
11	Bao dây đốt	Chất liệu: Nhựa y tế trong suốt, mềm dẻo, an toàn, bền. Đóng gói riêng, tiệt trùng bằng EO. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	800
12	Bộ gây tê tủy sống ngoài màng cứng phối hợp	Bao gồm: Kim Tuohy có lỗ đặc biệt; Kim chọc tủy 27G hoặc 25G; Catheter ngoài màng cứng mềm, trong suốt, có vạch đo độ dài thường 3-6cm; Bơm tiêm mất sức cản, Bộ lọc vi khuẩn, Đầu nối. Đóng gói: Vô trùng riêng lẻ từng bộ. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, hoặc FDA.	Bộ	20
13	Bộ rửa dạ dày	Chất liệu: Cao su tự nhiên, PVC, Silicon y tế, không độc hại, không gây dị ứng. Độ bền, khả năng chịu nhiệt, kháng hóa chất. Cấu tạo gồm: Dây rửa; Bơm hút (nếu có); Bình chứa; Phụ kiện khác: Cồng kẹp, van, đầu nối. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Bộ	5
14	Bơm kim tiêm nhựa 10ml	Bơm tiêm được làm từ nhựa PP dùng trong y tế, không chứa độc tố DEHP. Đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh có nắp đậy. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng.	Cái	80.000

		Dung tích 10ml, cỡ kim 23G x 1", 25G x 1". Tiệt trùng bằng khí EO. Hàng sản xuất tại Việt Nam. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE/FDA hoặc tương đương.		
15	Bơm kim tiêm nhựa 1ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 1ml, cỡ kim 25G x 5/8, 26G x 1/2, không chứa độc tố DEHP. Tiệt trùng bằng khí EO. Hàng sản xuất tại Việt Nam. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE/FDA hoặc tương đương.	Cái	5.000
16	Bơm kim tiêm nhựa 20ml	Bơm tiêm được làm từ nhựa PP dùng trong y tế, không chứa độc tố DEHP. Dung tích 20ml; cỡ kim 23G, 25G. Đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh có nắp đậy. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Tiệt trùng bằng khí EO. Hàng sản xuất tại Việt Nam. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE/FDA hoặc tương đương.	Cái	60.000
17	Bơm kim tiêm nhựa 3ml	Bơm tiêm được làm từ nhựa PP dùng trong y tế, không chứa độc tố DEHP. Dung tích 3ml; cỡ kim 23G, 25G. Đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh có nắp đậy. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Tiệt trùng bằng khí EO. Hàng sản xuất tại Việt Nam. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE/FDA hoặc tương đương.	Cái	6.000
18	Bơm kim tiêm nhựa 5ml	Bơm tiêm được làm từ nhựa PP dùng trong y tế, không chứa độc tố DEHP. Dung tích 5ml; cỡ kim 23G, 25G. Đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh có nắp đậy. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Tiệt trùng bằng khí EO. Hàng sản xuất tại Việt Nam. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE/FDA hoặc tương đương.	Cái	140.000

19	Bơm tiêm cho ăn 50ml	Bơm tiêm nhựa 50ml, đốc xi lanh to lắp vừa dây cho ăn và có nắp đậy. Pít tông có khía bề gãy để hủy sau khi sử dụng, không chứa độc tố DEHP. Hàng sản xuất tại Việt Nam. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE/FDA hoặc tương đương.	Cái	3.000
20	Bơm tiêm điện	Bơm tiêm 50ml khóa luer được sử dụng trong máy bơm tiêm điện. Vật liệu polypropylen không chứa latex. Pit tông dễ dàng rút thể tích tối đa (60ml). Tiệt trùng bằng khí EO. Hàng sản xuất tại Việt Nam. Đạt tiêu chuẩn ISO, GMP hoặc tương đương.	Cái	2.000
21	Bơm tiêm nhựa đầu nhỏ	Bơm tiêm được làm từ nhựa PP dùng trong y tế không chứa độc tố DEHP. Dung tích 50ml, đốc xi lanh nhỏ lắp vừa kim tiêm các số. Pít tông có khía bề gãy để hủy sau khi sử dụng, không chứa độc tố DEHP. Tiệt trùng bằng khí EO. Hàng sản xuất tại Việt Nam. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE/FDA hoặc tương đương.	Cái	200
22	Bông y tế không thấm nước	Nguyên liệu: 100% sợi bông xơ tự nhiên, có màu trắng ngà, mịn, xốp không lẫn tạp chất. Đặc tính: Độ ẩm tối đa $\leq 8\%$; Tro toàn phần $\leq 2,5\%$; Khối rộng ≥ 370 mm. Gói/1Kg. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Kg	48
23	Bông y tế thấm nước	Nguyên liệu: 100% sợi bông xơ tự nhiên, có màu trắng, mịn, không lẫn màu, không lẫn tạp chất. Đặc tính: Độ PH 6,5 - 7,5; Thời gian hút nước ≤ 3 giây; Độ ẩm tối đa $\leq 8\%$. Gói/1Kg. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Kg	240

24	Bộ đo theo dõi huyết áp động mạch xâm lấn một đường	Sử dụng để đo áp lực động mạch các máy Monitor UM 300, Monitor Lifesoc, Monitor Nihon Kohden. Bộ đo huyết áp một đường gồm: đường đầu ra tín hiệu áp suất, chip cảm biến áp suất, van xả, khoá ba chiều và ống xả. Dây tín hiệu đầu ra tín hiệu áp suất được làm bằng đồng và Polypropylene; Chip cảm biến áp suất: Silicon; Van xả và Khoá 3 chiều làm bằng Polycarbonate, Silicon y tế, Polyurethane, Styrene-butadiene-acrylonitrile; Ống xả được làm bằng nhựa PVC. Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE/FDA hoặc tương đương.	Bộ	30
25	Catheter động mạch Artline	Kích cỡ: 20G - 4cm. Chất liệu: Polyurethane (PU) hoặc Teflon cao cấp; đầu Catheter siêu nhọn giúp dễ đâm xuyên, bề mặt trơn để giảm ma sát. Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE hoặc tương đương.	Bộ	30
26	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng. Kích thước: 7Fr x 15cm/20cm kim Y hay V. Chất liệu: Polyurethane (PU) hoặc Polyurethane mềm, chịu nhiệt. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE/FDA hoặc tương đương.	Bộ	140
27	Cannula mũi lưu lượng cao	Chất liệu: Silicone hoặc nhựa y tế cao cấp mềm mại, không latex, không chứa DEHP. Các cỡ: người lớn, trẻ em, sơ sinh. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE/FDA hoặc tương đương.	Cái	10
28	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide-6 số 2/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide-6 2/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C 26mm. Kim sắc nhọn bằng thép không gỉ tiệt trùng có phủ silicone. Tiệt trùng bằng khí EO.	Gói	360

		Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE/FDA.		
29	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide-6 số 3/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide-6 3/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C 26mm. Kim sắc nhọn bằng thép không gỉ tiết trùng có phủ silicone. Tiết trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE/FDA.	Gói	4.320
30	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide-6 số 4/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide-6 4/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C 18mm. Kim sắc nhọn bằng thép không gỉ tiết trùng có phủ silicone. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE/FDA.	Gói	240
31	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polyamide-6 số 5/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide-6 5/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C 16mm. Kim sắc nhọn bằng thép không gỉ tiết trùng có phủ silicone. Tiết trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE/FDA.	Gói	840
32	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polyamide-6 số 6/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide-6 6/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C 13mm. Kim sắc nhọn bằng thép không gỉ tiết trùng có phủ silicone. Tiết trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE/FDA.	Gói	12
33	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polyamide-6 số 7/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polyamide-6 7/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C 13mm. Kim sắc nhọn bằng thép không gỉ tiết trùng có phủ silicone. Tiết trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE/FDA.	Gói	12

34	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polyamide-6 số 8/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polyamide-6 8/0 dài 15cm, kim tròn 3/8C 6mm. Kim sắc nhọn bằng thép không gỉ tiết trùng có phủ silicone. Tiết trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE/FDA.	Gói	12
35	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polyamide-6 số 10/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polyamide-6 10/0 dài 30cm, 2 kim hình thang 3/8C, phủ silicon dài 6mm. Tiết trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE/FDA.	Gói	24
36	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 1	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 1 dài 100cm, kim tròn 1/2C ≥ 40 mm. Kim sắc nhọn bằng thép không gỉ tiết trùng có phủ silicone. Tiết trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE/FDA.	Gói	12
37	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 8/0	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi Polypropylene 8/0 dài 60cm, 2 kim tròn đầu cắt MultiPass 3/8C 9.3mm. Tiết trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE/FDA.	Gói	24
38	Chỉ silk không tan sinh học đa sợi 2/0, không kim	Chỉ silk không tan sinh học đa sợi 2/0 dài 75cm, không kim. Tiết trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE/FDA.	Gói	60
39	Chỉ silk không tan sinh học đa sợi 2/0	Chỉ silk không tan sinh học đa sợi 2/0 dài 75cm, kim tròn 1/2C 26mm. Tiết trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE/FDA.	Gói	300

40	Chỉ silk không tan sinh học đa sợi 3/0	Chỉ silk không tan sinh học đa sợi 3/0 dài 75cm, kim tròn 1/2C 26mm. Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE/FDA.	Gói	60
41	Chỉ tự tiêu tổng hợp đa sợi Polyglycolic số 1	Chỉ tự tiêu tổng hợp đa sợi Polyglycolic số 1 dài 90cm, kim tròn 1/2C 40mm. Kim bằng thép không gỉ tiệt trùng có phủ Silicone. Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE/FDA.	Gói	3.600
42	Chỉ tự tiêu tổng hợp đa sợi Polyglycolic 2/0	Chỉ tự tiêu tổng hợp đa sợi Polyglycolic 2/0 dài 75cm, kim tròn 1/2C 26mm. Kim bằng thép không gỉ tiệt trùng có phủ Silicone. Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE/FDA.	Gói	480
43	Chỉ tự tiêu tổng hợp đa sợi Polyglycolic 3/0	Chỉ tự tiêu tổng hợp đa sợi Polyglycolic 3/0 dài 70cm, kim tròn 1/2C 26mm. Kim bằng thép không gỉ tiệt trùng có phủ Silicone. Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE/FDA.	Gói	24
44	Chỉ tự tiêu tổng hợp đa sợi Polyglycolic 4/0	Chỉ tự tiêu tổng hợp đa sợi Polyglycolic 4/0 dài 70cm, kim tròn 1/2C 22mm. Kim bằng thép không gỉ tiệt trùng có phủ Silicone. Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE/FDA.	Gói	240
45	Chỉ tự tiêu sinh học đơn sợi collagen có tẩm muối chromic số 1	Chỉ tự tiêu sinh học đơn sợi collagen có tẩm muối chromic số 1 dài 75cm, kim tròn 1/2C 40mm. Kim cứng và sắc nhọn. Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE/FDA.	Gói	24
46	Chỉ tự tiêu sinh học đơn sợi collagen có tẩm muối chrome số 2/0	Chỉ tự tiêu sinh học đơn sợi collagen có tẩm muối chromic 2/0 dài 75cm, kim tròn 1/2C 26mm. Kim cứng và sắc nhọn. Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE/FDA.	Gói	1.008

47	Chỉ tự tiêu sinh học đơn sợi collagen có tẩm muối chromic số 3/0	Chỉ tự tiêu sinh học đơn sợi collagen có tẩm muối chromic 3/0 dài 75cm, kim tròn 1/2C 26mm. Kim cứng và sắc nhọn. Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE/FDA.	Gói	60
48	Chỉ tự tiêu sinh học đơn sợi collagen có tẩm muối chromic số 4/0	Chỉ tự tiêu sinh học đơn sợi collagen có tẩm muối chromic 4/0 dài 75cm, kim tròn 3/8C 16mm. Kim cứng và sắc nhọn. Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE/FDA.	Gói	24
49	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 6/0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 6/0 dài 45 cm, 2 kim hình thang 1/4C, dài 8 mm. Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE/FDA.	Gói	12
50	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 8/0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 8/0 dài 30 cm, 2 kim hình thang 3/8C, dài 6 mm. Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE/FDA.	Gói	24
51	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 1/0, kim tròn (khâu gan)	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 1/0 dài 100cm, kim tròn đầu tù 3/8C, dài 65 mm. Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE/FDA.	Gói	24
52	Chỉ thép khâu xương bánh chè	Chỉ thép số 7 dài 60cm, kim tam giác 1/2C dài 120mm. Được làm bằng thép không gỉ đơn sợi. Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE/FDA.	Gói	24

53	Dao mổ các số	Kích cỡ: số 10, 11, 12, 15, 20, 21. Thép không gỉ, lưỡi dao sắc mảnh, đóng gói tiệt trùng từng cái bằng tia Gamma. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	3.000
54	Dây SpO2 máy Monitor UM 300	Dùng cho loại nối 2 đoạn model UM 300-15-S. Chất liệu: làm từ cao su không chứa latex, an toàn, không gây kích ứng da và dị ứng. Các cỡ: người lớn, trẻ em, sơ sinh. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	10
55	Dây SpO2 máy Monitor Lifesoce	Dùng cho loại nối 2 đoạn model BSM-3562. Chất liệu: làm từ cao su không chứa latex, an toàn, không gây kích ứng da và dị ứng. Các cỡ: người lớn, trẻ em, sơ sinh. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	10
56	Dây SpO2 máy Monitor Nihon Kohden	Dùng cho loại nối 2 đoạn model SVM-7623. Các cỡ: người lớn, trẻ em, sơ sinh. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	10
57	Dây cáp nối máy Monitor Lifesoce đo huyết áp động mạch xâm lấn	Dùng cho model BSM-3562 đo huyết áp động mạch xâm lấn. Chất liệu: nhựa TPU hoặc silicone y tế cao cấp, không chứa Latex để tránh gây dị ứng. Các cỡ: người lớn, trẻ em, sơ sinh. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE/FDA.	Cái	1

58	Dây cáp nối máy Monitor UM 300 đo huyết áp động mạch xâm lấn	Dùng cho model UM 300-15-S đo huyết áp động mạch xâm lấn. Vỏ cáp làm bằng vật liệu y tế cao cấp (thường là PVC hoặc TPU), không chứa chất gây dị ứng DEHP. Các cỡ: người lớn, trẻ em, sơ sinh. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE/FDA.	Cái	2
59	Dây cáp nối máy Monitor Nihon Kohden đo huyết áp động mạch xâm lấn	Dùng cho model SVM-7623 đo huyết áp động mạch xâm lấn. Các cỡ: người lớn, trẻ em, sơ sinh. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE/FDA.	Cái	2
60	Dây Garo	Chất liệu: Thun cotton màu xanh. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Sợi	300
61	Dây hút dịch phẫu thuật	Chất liệu nhựa PVC trắng trong nguyên chất, mềm, có hai đầu nối màu xanh. Kích thước: 8mm x 2m. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE/FDA.	Sợi	4.000
62	Dây nối bơm tiêm điện	Dây nối bơm tiêm điện dài 140cm-150cm. Đầu nối vặn xoắn chống rò rỉ, dây nối có khóa áp lực dương chống trào ngược dịch, máu. Chất liệu PVC, chống xoắn, không DEHP. Đã tiệt trùng và đóng gói riêng từng cái. Hàng sản xuất tại Việt Nam. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Sợi	2.300
63	Dây oxy 2 nhánh	Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, có chiều dài ≥ 200 cm, 2 nhánh. Các cỡ: sơ sinh, trẻ em, người lớn. Hàng sản xuất tại Việt Nam. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Sợi	3.000
64	Dây truyền 3 nhánh có khóa	Dây nối dài ≥ 25 cm. Không bị rò rỉ khi truyền với nhũ dịch béo, không chứa chất phụ gia DEHP. Hàng sản xuất tại Việt Nam. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	1.500

65	Dây truyền dịch	Đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh, sản xuất từ vật liệu thép không gỉ và có nắp đậy bảo vệ. Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn, điều chỉnh chính xác 20 giọt/ml. Dây bằng nhựa PVC không chứa DEHP, dài $\geq 150\text{cm}$. Tiệt trùng bằng khí EO. Hàng sản xuất tại Việt Nam. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE/FDA.	Bộ	40.000
66	Dây truyền máu	Ống nhựa PVC y tế với độ dài 150cm - 180cm. Van khoá điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh. Dây mềm dẻo, trong suốt dễ quan sát. Đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh không có gờ sản xuất từ vật liệu không gỉ, không bị cặn trong, có nắp đậy bảo vệ. Bầu đếm giọt có màng lọc. Tiệt trùng bằng EO. Hàng sản xuất tại Việt Nam. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Sợi	1.300
67	Dụng cụ phẫu thuật trĩ theo phương pháp Longo	Bộ dụng cụ khâu cắt nối trĩ tự động theo Phương pháp Longo bao gồm: Dụng cụ nong hậu môn, Dụng cụ soi khâu, Que móc chỉ khâu. Dụng cụ cắt trĩ: Vật liệu: Vỏ nhựa ABS, lưỡi dao thép không gỉ, Ghim bằng thép không gỉ. Đường kính trong 23 - 25mm, chiều dài thân $\geq 390\text{mm}$. Có 2 hàng ghim gồm ≥ 32 ghim. Chiều dài chân ghim khi đóng 0,8 - 1,5mm; đường kính ghim $\geq 0,3\text{ mm}$, chiều cao ghim $\geq 4\text{mm}$. Đường kính ngoài trục 32 - 34mm. Thể tích hộp chứa 46 - 54cc. Tiệt trùng bằng EO. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE,FDA.	Cái	10

68	Đai cột sống lưng các số	Gồm thanh nẹp hợp kim nhôm. Băng nhám dính (khóa Velcro), vải mút mềm, thun đàn hồi. Thanh định vị bằng nhôm loại lớn có thể uốn cong theo chiều cong sinh lý của cột sống. Các số: từ 4 đến 10. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	50
69	Đai Desault (trái, phải) các số	Chất liệu: Vải Cotton, vải không dệt, vải có lỗ thoáng khí. Khóa dán (Velcro). Các số (trái, phải): từ 1 đến 9. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	80
70	Đai xương đòn hình số 8 các số	Đai cố định xương đòn Chất liệu: đệm mút, vải cotton. Dây đai được thiết kế khóa Velcro (băng nhám dính). Các số: từ 2 đến 9. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	130
71	Đầu col vàng	Chất liệu: Nhựa PP, có khóa. Kích cỡ: 2-200µl. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	25.000
72	Đầu col xanh	Chất liệu: Nhựa PP, có khóa. Kích cỡ: 100-1000µl. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	8.000
73	Đè lưỡi gỗ	Gỗ tự nhiên, thơm mịn, đồng nhất, không lõi, không cong vênh. Đạt độ cứng, nhẵn cao, an toàn trong sử dụng. Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	10.000
74	Điện cực dán ngực	Điện cực dán ngực dùng 1 lần chất lượng cao với nút điện cực bằng thép không gỉ, cảm biến Ag /AgCl và gel rắn hoặc lỏng trên bột PE hoặc vải không dệt. Sử dụng trong điện tim thường quy, điện tim gắng sức, điện cực theo dõi dành cho người lớn, trẻ em và trẻ sơ sinh. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	2.500

75	Đĩa Petri nhựa	Hình dạng: Chủ yếu là hình tròn, nhựa PS trong suốt, chịu được nhiệt. Nắp: thường có các gân thông khí ở mặt dưới để trao đổi khí tự do và giảm sự ngưng tụ hơi nước trong quá trình ủ. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	2.000
76	Gạc nhét mũi (gạc dẫn lưu)	Chất liệu: Vải dệt hút nước. Kích thước: 1 x 200cm x 4 lớp, vô trùng. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cuộn	200
77	Gạc phẫu thuật cân quang tiệt trùng	Chất liệu: 100% cotton trắng, mềm mại, thấm hút tốt, không tạp chất. Kích thước: 7,5cm x 20cm x 8 lớp, cân quang, tiệt trùng. Tiệt trùng bằng khí EO Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Miếng	12.000
78	Gạc phẫu thuật cân quang tiệt trùng	Chất liệu: 100% Cotton tự nhiên, mềm mại, trắng, khả năng thấm hút cao, không độc tố, không gây dị ứng. Kích thước: 30cm x 30cm x 6 lớp, cân quang, tiệt trùng. Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Miếng	6.000
79	Gạc phẫu thuật cân quang tiệt trùng	Chất liệu: 100% Cotton tự nhiên, mềm mại, trắng, khả năng thấm hút cao, không độc tố, không gây dị ứng. Kích thước: 30cm x 30cm x 12 lớp, cân quang, tiệt trùng. Tiệt trùng bằng khí EO Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Miếng	10.000
80	Gạc phẫu thuật ruột thừa	Chất liệu: 100% cotton tự nhiên, mềm mại, độ thấm hút cao, không gây kích ứng. Kích thước: 3,5cm x 75cm x 8 lớp, cân quang, tiệt trùng. Tiệt trùng bằng khí EO Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Miếng	1.000

81	Gạc phẫu thuật tiệt trùng	Chất liệu: 100% sợi cotton tự nhiên, mềm mại, trắng sạch, không độc tố, độ thấm hút cao và nhanh. Kích thước: 10cm x 10cm x 8 lớp, tiệt trùng. Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Miếng	150.000
82	Gạc hút y tế	Nguyên liệu: Gạc hút nước 100% cotton và có độ thấm hút rất cao. Kích thước: 18x26, khổ 0,8m. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Mét	1.000
83	Gạc Vaseline	Miếng gạc tẩm dầu parafin, không mùi, không vị, không màu hoặc hơi ngả vàng. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Miếng	300
84	Găng tay sản khoa tiệt trùng các số	Sản xuất từ Latex cao su thiên nhiên chất lượng cao, có phủ bột chống dính. Chiều dài ≥ 480mm. Hàng sản xuất tại Việt Nam. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE/FDA hoặc tương đương.	Đôi	300
85	Găng tay cao su y tế các cỡ	Sản xuất từ cao su thiên nhiên, có phủ bột. Các cỡ XS, S, M, L. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Đôi	260.000
86	Găng tay tiệt trùng các số	Chất liệu: Cao su tự nhiên. Găng dày, mịn dài ≥ 280mm. Kích cỡ: 6.0, 6.5, 7.0, 7.5, 8.0. Tiệt trùng. Hàng sản xuất tại Việt Nam. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE/FDA hoặc tương đương.	Đôi	10.000
87	Giấy điện tim 3 căn	Giấy cảm nhiệt cao cấp, lưu trữ lâu dài không bay màu, tương thích với máy điện tim 3 căn. Kích thước: 63mm x 30m. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cuộn	50

88	Giấy điện tim 3 cần	Giấy cảm nhiệt cao cấp, lưu trữ lâu dài không bay màu, tương thích với máy điện tim 3 cần. Kích thước: 80mm x 20m. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cuộn	800
89	Giấy điện tim 6 cần	Giấy in nhiệt cảm ứng cao, bề mặt láng mịn, in rõ nét, không phai mực nhanh, tương thích với máy điện tim 6 cần. Kích thước: 110mm x 140mm x 142 tờ. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Xấp	30
90	Giấy in Monitor sản khoa	Giấy chuyên dụng cho máy theo dõi sản khoa, thường có sọc đỏ để định vị, dùng để ghi lại biểu đồ nhịp tim thai và co bóp tử cung. Kích thước: 152mm x 90mm x 150sh. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS	Xấp	350
91	Giấy in nhiệt	Giấy in cho máy thử nước tiểu ≥ 57 mm x 30m. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cuộn	120
92	Giấy siêu âm	Kích thước: 110mm x 20m dùng được cho máy siêu âm Sony 110S, màu trắng đen. Chất liệu: Polypropylene Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cuộn	60

93	Giấy quỳ tím	Giấy quỳ tím có PH từ 1-14. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Xấp	10
94	Giấy thấm phi 11	Giấy sạch, không nấm mốc (Ø110mm). Hộp /100 tờ. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	10
95	Giấy lọc phòng xét nghiệm	Chất liệu: chủ yếu từ cellulose hoặc sợi tổng hợp. Dạng tròn: gấp nếp hình quạt (dạng nón) để đặt vào phễu lọc khi lọc kết tủa, hoặc gấp hình rẻ quạt để lọc dịch. Hộp/ 100 tờ. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	2
96	Kim châm cứu các số	Các số: từ 1 đến 7. Kim đốc đồng, có khuyên, vi nhôm, thân kim sử dụng thép chuyên dụng, dẫn điện tốt. Thân kim nhỏ, đầu kim sắc bén, nhọn. Vô trùng dùng một lần. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	300.000
97	Kim gây tê răng	Chất liệu: Thép không gỉ, siêu cứng, đầu kim có thiết kế vát ba cạnh được bao phủ bởi lớp silicon giúp giảm thiểu tối đa cảm giác đau và chấn thương mô. Kích cỡ: 27G. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	6.000

98	Kim gây tê tủy sống các số	Kim kiểu Quincke 3 mặt vát sắc bén, thép không gỉ. Chuôi kim trong suốt phản quang có nhiều rãnh. Có cánh, Hub làm bằng vật liệu PP y tế. Kích cỡ: 18G - 27G x 3 1/2". Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	1.200
99	Kim lấy máu (Lancet)	Kim bằng kim loại không gỉ, sắc bén và không gây kích ứng. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	23.000
100	Kim luồn tĩnh mạch các số	Kim được làm từ thép không gỉ. Đầu kim vát 3 mặt. Phần thân được làm bằng chất liệu nhựa y tế, có cánh có cổng tiêm. Nắp Luer lock để ngăn chặn các ống thông khi không sử dụng. Khóa luer ở đuôi ống catheter kết nối với mọi loại khóa 3 chạc. Có buồng chặn Polypropylen cấp độ y tế, có màng lọc kháng khuẩn chống vi khuẩn xâm nhập. Cỡ kim: 16G, 18G, 20G, 22G, 24G. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE/FDA hoặc tương đương.	Cái	33.000

101	Kim tiêm nhựa các số	Các số: 18G, 23G, 25G, 26G. Đế kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim, không chứa độc tố DEHP. Đóng gói dạng ép vì đảm bảo vô trùng. Tiệt trùng bằng khí EO. Hàng sản xuất tại Việt Nam. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE/FDA hoặc tương đương.	Cây	150.000
102	Khẩu trang y tế	Khẩu trang 3 lớp (2 lớp vải không dệt, 1 lớp giấy kháng khuẩn). Dây thun móc tai: màu trắng, dây thun tròn. Tiệt trùng. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	6.000
103	Lam kính	Chất liệu thủy tinh trong suốt, dày 1mm - 1,2mm. Sạch, không nấm mốc. Kích thước: 25,4 x 76,2mm. Hộp/ 72 miếng. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	80
104	Lam kính mờ	Chất liệu thủy tinh trong suốt có một đầu nhám, dày 1mm - 1,2mm. Kích thước: 25,4 x 76,2mm. Hộp/ 72 miếng. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	60

105	Lammen	Bề mặt lammen trong suốt, dày dặn. Sạch, không nấm mốc. Kích thước: 22 x 22mm. Hộp/ 100 miếng. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	20
106	Lọ đựng mẫu bệnh phẩm nắp đỏ	Lọ nhựa PS trong suốt, không màu hoặc màu trắng đục, nắp đỏ, có nhãn để ghi thông tin bệnh nhân, mẫu. Dung tích 55ml. Sử dụng nhựa y tế trung tính, tinh khiết 100% không phản ứng với hóa chất, bệnh phẩm bên trong. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	22.000
107	Phin lọc khuẩn dùng đo chức năng hô hấp	Làm từ nhựa y tế không gây dị ứng, thiết kế dùng một lần cho mỗi bệnh nhân để đảm bảo vô trùng. Tiệt trùng bằng khí EO, đóng gói từng cái riêng lẻ. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	2.000
108	Phin lọc khuẩn có cổng đo CO2	Chất liệu nhựa y tế, có cổng CO2. Không chứa DEHP, tiệt trùng bằng khí EO, đóng gói từng cái riêng lẻ. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	300
109	Lưới điều trị thoát vị polypropylene	Thành phần: Polypropylene 100%, thường là dạng sợi đơn (monofilament) để giảm nguy cơ nhiễm trùng so với sợi bện. Lưới dệt kim có tính ổn định hình dạng nhưng vẫn giữ được độ đàn hồi. Kích thước: 6 x 11cm. Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE/FDA.	Miếng	20

110	Mặt nạ xông khí dung	Chất liệu: Nhựa PVC không chứa latex, màu trắng trong, mùi nhựa nhẹ không hắc gây khó chịu, dây oxy dài $\geq 2\text{m}$. Kích cỡ: người lớn, trẻ em, sơ sinh. Hàng sản xuất tại Việt Nam. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Bộ	2.000
111	Mask oxy nồng độ cao	Nồng độ oxy 90 - 100%, mặt nạ phủ cằm, dây oxy $\geq 2,1\text{m}$, túi oxy, 2 van mỏng bằng silicon ở 2 bên mặt nạ (tất cả bằng nhựa trắng trong), có 1 van đóng tại cổ nối. Kích cỡ: người lớn, trẻ em, sơ sinh. Hàng sản xuất tại Việt Nam. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE/FDA hoặc tương đương.	Bộ	600
112	Miếng xốp cầm máu tự tiêu	Chất liệu: Gelatin xốp (Gelatin sponge) hoặc Collagen có khả năng tương thích sinh học, tự tiêu hoàn toàn trong cơ thể. Kích thước: 7 x 5 x 1cm. Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE/FDA	Miếng	20
113	Nắp bình dẫn lưu màng phổi	Chất liệu: Nhựa y tế cao cấp, không độc, không gây dị ứng, trong suốt. Nắp kín, chống rò rỉ, có cổng kết nối ống dẫn lưu. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Bộ	40
114	Nẹp cổ cứng các số	Chất liệu 2 mảnh mút EVA, khóa Velcro, hệ thống dán xé ngoại nhập. Kích cỡ: Các số. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	30
115	Nẹp cổ mềm các số	Chất liệu mút mềm, khóa Velcro, hệ thống dán xé ngoại nhập. Kích cỡ: Các số. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	20

116	Nẹp đùi các số (Nẹp Zimmer)	Chất liệu vải mút dệt kim ngoại nhập, vải lưới thể thao cao cấp, thanh định vị bằng nhôm lớn, có thể uốn cong theo chiều cong sinh lý của cẳng chân, hệ thống dán xé ngoại nhập. Các số: từ 1 đến 9. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	100
117	Nẹp ngón tay bằng nhôm Iselin	Chất liệu bằng nhôm có dán mút mềm, chức năng: giữ cố định các đốt ngón tay. Kích thước: 25cm. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	200
118	Nẹp ngón tay ngắn	4 chấu, sử dụng thanh hợp kim nhôm kết hợp với lớp đệm xốp mềm. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	100
119	Nẹp vải cẳng bàn chân các số	Chất liệu: bản nẹp bằng hợp kim nhôm, thanh nhôm được bao bọc bằng đệm mút và vải cotton. Kích cỡ: Các số. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	60
120	Nẹp vải cẳng tay (trái, phải) các số	Chất liệu vải dệt kim, vải có lỗ thoáng khí, vải cào lông. Băng nhám dính (khóa Velcro), nẹp hợp kim nhôm, dài 10 - 25cm. Các số (trái, phải). Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	80
121	Nẹp chống xoay ngón các số	Chất liệu vải cotton, vải có lỗ thoáng khí, vải tricot. Khóa velcro, nẹp hợp kim nhôm, hệ thống dán xé ngoại nhập, chiều cao của nẹp từ 30 - 35cm. Các số. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	100

122	Nẹp gỗ	Sản phẩm đã được gia công mài mịn các bề mặt. Màu sắc và vân gỗ tự nhiên. Kích thước: 140cm x 7cm x 1cm. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	100
123	Nẹp gỗ	Sản phẩm đã được gia công mài mịn các bề mặt. Màu sắc và vân gỗ tự nhiên. Kích thước: 80cm x 7cm x 1cm. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	200
124	Nẹp gỗ	Sản phẩm đã được gia công mài mịn các bề mặt. Màu sắc và vân gỗ tự nhiên. Kích thước: 40cm x 5cm x 1cm. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	100
125	Nẹp gỗ	Sản phẩm đã được gia công mài mịn các bề mặt. Màu sắc và vân gỗ tự nhiên. Kích thước: 30cm x 5cm x 1cm. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	100
126	Ống Airway các số	Chất liệu: Nhựa Polyethylen màu trắng không độc hại. Chuôi khối cán mỗi size có màu riêng biệt. Các số: 0, 1, 2, 3. Đóng gói từng cái tiệt trùng bằng khí EO. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	1.000
127	Ống Canuyn mở khí quản các số	Chất liệu: Nhựa PVC/Silicone y tế chịu nhiệt, không độc, không gây kích ứng, tương thích sinh học cao. Có bóng hoặc không bóng. Kích cỡ: từ 3 - 9. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE/FDA hoặc tương đương.	Cái	30
128	Ống dẫn lưu màng phổi các số	Chất liệu: PVC/Silicone y tế trong suốt, tương thích sinh học, độ cứng phù hợp, đầu ống vát nhọn, có vạch cản quang và đánh dấu độ sâu. Các số: 16, 20, 24, 28, 32, 36. Tiệt trùng bằng EO.	Sợi	50

		Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.		
129	Ống dẫn lưu ổ bụng các số	Được sản xuất từ cao su thiên nhiên bằng công nghệ nhúng. Các số: 20, 24, 28. Tiệt trùng bằng EO. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Sợi	100
130	Ống đặt nội khí quản có bóng các số	Chất liệu: Nhựa PVC không độc hại, trong suốt mềm mại, thân ống có vạch cảnh quang. Các số: từ 2 đến 8. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE/FDA hoặc tương đương.	Cái	800
131	Ống đặt nội khí quản không bóng các số	Chất liệu: Nhựa PVC y tế, độ cứng hợp lý, trong suốt dễ quan sát dịch hoặc máu bên trong, không chứa Latex, không gây dị ứng. Bóng chèn (cuff) áp suất thấp, độ đàn hồi cao. Các số: từ 2,5- 3,0- 3,5- 4,0- 4,5. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE/FDA hoặc tương đương.	Cái	100
132	Ống Haematocrit (ống mao quản)	Chất liệu: Thủy tinh hoặc nhựa trong suốt, không ảnh hưởng đến mẫu máu. Kích thước: 75mm/75Ul. Lọ/ 100 ống. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Lọ	10
133	Ống hút đàm giải các số có kiểm soát	Các số: 6, 8, 10, 12, 14, 16, 18. Sản phẩm được kết cấu 02 phần. Khóa van và dây dẫn. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh không chứa DEHP. Khóa van các cỡ có đầu gen để kết nối với các thiết bị phụ trợ. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE/FDA hoặc tương đương.	Ống	5.000
134	Ống nghiệm Citrate	Ống nghiệm nhựa PP 5ml (12 x 75mm), có nhãn để ghi tên và nắp màu xanh lá cây. Chứa dung dịch Natri citrate nồng độ 3,8% hoặc 3,2%.	Ống	5.000

		Dung tích máu: 1ml, 2ml có vạch định mức. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.		
135	Ống nghiệm EDTA nắp cao su	Ống nghiệm nhựa PP 5ml (12 x 75mm), có nhãn để ghi tên và nắp màu xanh dương. Chứa chất kháng đông EDTA. Dung tích máu: 1ml, 2ml có vạch định mức. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Ống	60.000
136	Ống nghiệm Glucose	Làm từ nhựa PET trong suốt, có nhãn để ghi tên và nắp cao su màu xám. Chứa chất kháng đông EDTA và chất ức chế đường phân hủy Sodium Fluoride (NaF). Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Ống	500
137	Ống nghiệm Heparin	Ống nghiệm nhựa PP 5ml (12 x 75mm), có nhãn để ghi tên và nắp màu đen. Chứa chất kháng đông Heparin. Dung tích máu: 2ml có vạch định mức. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Ống	100.000
138	Ống nghiệm nhựa có nắp	Ống nghiệm nhựa PS 5ml (12 x 75mm) nắp cao su bọc nhựa hoặc nắp nhựa vắn, có nhãn để ghi tên. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Ống	5.000
139	Ống nghiệm nhựa không nắp	Ống nghiệm nhựa PS 5ml (12 x 75mm) không nắp, không nhãn. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Ống	3.000
140	Ống nghiệm Serum nắp đỏ	Ống nghiệm nhựa PP 5ml (12 x 75mm), có nhãn để ghi tên và nắp màu đỏ, có chứa hạt Poly Styrene hình bi hoặc hình khối bên trong. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Ống	25.000

141	Ống Pezzer (Sonde quả bí) các số	Chất liệu: Silicone 100% hoặc nhựa y tế cao cấp (PVC) không độc hại, không gây sốt, không chứa Latex. Đầu ống hình quả bí (nấm) giúp giữ cố định trong bàng quang hoặc cơ quan cơ thể, thân ống có các lỗ bên và lỗ cuối thông thoáng. Các số: từ 14 đến 28. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	20
142	Ống thông dạ dày các số (Dây cho ăn)	Chất liệu: Nhựa PVC y tế loại mềm, dẻo, trong suốt, không chứa DEHP. Các số: 6, 8, 10, 12, 14, 16. Tiệt trùng bằng khí EO. Hàng sản xuất tại Việt Nam. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	1.200
143	Ống thông Foley 2 nhánh các số	Chất liệu cao su, độ cong thích hợp. Bề mặt tráng silicone. Tron láng không gây tổn thương, không gây kích ứng da, không dễ vỡ, đứt gãy, thiết kế 3 nhánh. Các số: từ 8 đến 26. Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	3.000
144	Ống thông Foley 3 nhánh các số	Chất liệu: Silicone 100% y tế (hoặc Latex cao cấp phủ silicone) để giảm kích ứng, có thể đặt dài ngày, thiết kế 3 nhánh. Các số: từ 16 đến 28. Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	50
145	Ống thông hậu môn các số	Dây được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Các số: 20, 22, 24, 26, 28. Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	100
146	Ống thông Nelaton các số	Chất liệu cao su, độ cong thích hợp. Bề mặt tráng silicone. Tron láng không gây tổn thương, không gây kích ứng da, không dễ vỡ, đứt gãy. Các số: từ 8 đến 16. Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt một trong các tiêu chuẩn	Cái	300

		ISO, CE, FDA, TCCS.		
147	Ống thông niệu quản JJ các số	Chất liệu: Polyurethane hoặc Silicone mềm, tương thích sinh học cao, hạn chế kích ứng niệu quản. Ống thông hai đầu cong (kiểu JJ hoặc Double J) giúp giữ ống cố định. Các số: từ 5Fr - 8Fr. Tiệt trùng bằng khí EO Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE/FDA hoặc tương đương.	Cái	15
148	Ống dẫn lưu Kerh	Chất liệu: Silicone y tế 100% hoặc Latex tự nhiên, có độ đàn hồi tốt, mềm mại. Hình dáng: Thiết kế hình chữ T (T-tube) đặc trưng. Kích cỡ: 10Fr - 20Fr. Tiệt trùng bằng khí EO Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE/FDA hoặc tương đương.	Cái	20
149	Xốp cầm máu mũi	Chất liệu: Phổ biến nhất là 100% Polyvinyl Alcohol (PVA) hoặc các polymer có khả năng tự tiêu. Kích thước: 80 x 15 x 20mm. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE/FDA hoặc tương đương.	Miếng	60
150	Que lấy mẫu bệnh phẩm	1 đầu bông vô trùng thường sử dụng sợi tổng hợp như Polyester hoặc sợi nhựa dạng sợi. Thân que làm bằng nhựa (Polystyrene/PP) có độ đàn hồi tốt, không gãy vỡ khi thực hiện thao tác xoay lấy mẫu. Đóng gói: Mỗi que được đóng gói trong bao bì riêng biệt. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	5.000
151	Túi đo máu sau sinh	Chất liệu: màng nhựa PE trong suốt, dẻo dai, không rò rỉ để dễ dàng quan sát màu sắc và tính chất của máu. Có băng keo dính giúp không tuột. Có vạch chia để đo dung tích máu sau sinh. Đóng gói bằng giấy đóng gói tiệt trùng .	Cái	2.000

		Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.		
152	Túi ép tiệt trùng loại phòng	Chất liệu: Giấy y tế màu trắng và nhựa plastic PET/PP chịu nhiệt 121°C đến 140°C. Loại phòng kích thước: 300mm x 100m. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cuộn	6
153	Túi đựng nước tiểu	Dung tích: 2.000ml. Làm bằng vật liệu nhựa PVC có quai treo, vạch chia dung tích, nút xả không tuột, không bị rỉ nước. Đóng gói từng cái một nhằm đảm bảo độ vô trùng, dễ bảo quản, dễ quan sát trước khi sử dụng. Hàng sản xuất tại Việt Nam. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE/FDA hoặc tương đương.	Cái	4.000
154	Thước đo áp lực tĩnh mạch trung tâm	Chất liệu: Nhựa y tế trong suốt, không độc hại, chịu được áp lực cao và vô trùng. Thước đo rõ ràng từ 4 - 34cm H₂O, có bộ van 3 chiều linh hoạt, hệ thống dây dẫn kín. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE/FDA hoặc tương đương.	Cái	20
155	Vòng đeo tay bệnh nhân	Chất liệu : Nhựa trung tính, không gây kích ứng da; các màu xanh, đỏ, vàng, hồng. Khóa: Nút gài/khóa một chiều, an toàn, chỉ dùng một lần để tránh tái sử dụng. Kích cỡ: Người lớn, trẻ em. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	500

156	Vòng tránh thai	Chất liệu: Phổ biến là vòng hình chữ T hoặc hình cánh cung. Vật liệu thường là nhựa dẻo cao cấp, silastic, thép không gỉ, và thường có quần đồng để tăng hiệu quả. Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE/FDA.	Cái	100
157	Sample cup	Cốc đựng mẫu, hoá chất thể tích 2ml. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	13.000
158	Bàn chải phẫu thuật	Chất liệu nhựa y tế. Lông bàn chải bằng nylon. Sử dụng trong rửa tay phẫu thuật. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	100

159	Bao vải huyết áp dùng cho máy Monitoring	Bao vải huyết áp dùng cho máy Monitoring 2 nòng. Chất liệu cao cấp (vải Nylon/TPU bền, không chứa Latex, dễ vệ sinh), thiết kế phù hợp tương thích với 2 nòng. Kích cỡ: người lớn, trẻ em. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	30
160	Bao vải huyết áp dùng cho máy Monitoring	Bao vải huyết áp dùng cho máy Monitoring 1 nòng. Chất liệu vải bền, kháng khuẩn, không chứa latex; thiết kế phù hợp tương thích với 1 nòng. Kích cỡ: người lớn, trẻ em. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	10

161	Bóng đèn cực tím	Đèn khử trùng cực tím UV 90cm (30-40w). Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	10
162	Cục HMEF dùng cho người lớn	Dùng cho bệnh nhân có $V_t > 250\text{ml}$. - Chung loại: HMEF (Trao đổi nhiệt ẩm kết hợp lọc khuẩn/virus). - Khoảng chết (Dead space): $\leq 45\text{ ml}$ (tốt nhất là khoảng 30-40 ml để tránh lưu giữ CO_2). - Thể tích khí lưu thông (Tidal Volume - V_t) khuyến cáo: 250 – 1500 ml. - Hiệu quả làm ẩm (Moisture output): $\geq 30\text{ mg H}_2\text{O/L}$ (ở mức V_t 500ml). - Trở kháng dòng chảy (Resistance): - Tại dòng 30 L/phút: $\leq 1.5\text{ cmH}_2\text{O}$. - Tại dòng 60 L/phút: $\leq 3.0\text{ cmH}_2\text{O}$. - Hiệu quả lọc khuẩn/virus: $\geq 99.99\%$ (hoặc 99.999%). - Cổng lấy mẫu khí (Luer port): Có (để đo EtCO_2). - Trọng lượng: Nhẹ ($< 35\text{g}$) để tránh co kéo ống nội khí quản. - Đầu nối: Tiêu chuẩn ISO (22M/15F - 22F/15M). - Đóng gói riêng lẻ, tiệt khuẩn. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	100
163	Máy huyết áp trẻ em	Bao gồm: đồng hồ đo áp lực dạng cơ (chính xác, dễ đọc), vòng bít (bao đo) bằng vải bền, túi hơi cao su, quả bóp cao su,	Bộ	10

		van xả khí, và ống nghe đi kèm. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.		
164	Máy huyết áp người lớn	Bao gồm: đồng hồ đo áp lực dạng cơ (chính xác, dễ đọc), vòng bít (bao đo) bằng vải bền, túi hơi cao su, quả bóp cao su, van xả khí, và ống nghe đi kèm. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Bộ	40
165	Nhiệt kế 42 độ C	Dùng để đo nhiệt độ cơ thể. Giải đo từ 35 đến 42 độ. Gồm 2 phần: phần cảm nhận nhiệt độ là bầu đựng thủy ngân và phần hiển thị kết quả là thang chia vạch. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	50
166	Nhiệt kế tủ lạnh	Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	5
167	Túi oxy	Dung tích: 42 lít. Chất liệu: y tế cao cấp, không độc hại, không gây kích ứng (như nhựa PVC y tế hoặc vật liệu chuyên dụng), bền, không bị rách, nứt. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	5
168	Micropipet tự động	Kích thước: 5 - 50µL. Dùng hút mẫu. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	1
169	Bộ nội khí quản sơ sinh	Bộ bao gồm: Lưỡi đèn đặt nội khí quản sơ sinh và Cán đèn. Chất liệu: Nhựa PVC y tế không độc, trong suốt. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Bộ	1
170	Bơm hút thai Karman 1 van	Bao gồm: thân bơm nhựa trong suốt, bền, chịu áp lực âm, dung tích khoảng 50 - 100ml, hệ thống 1 van một chiều đảm bảo giữ chân không, chất liệu y tế cao cấp, có khả năng diệt trùng, tương thích các loại ống hút thai chuẩn. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Bộ	2

171	Bougie đặt nội khí quản cong (đặc ruột)	Chất liệu: Nhựa y tế dẻo cao cấp, có độ nhót và đàn hồi tốt, không chứa Latex. Hình dáng: đầu cong; đặc ruột; bề mặt trơn, nhẵn, có độ ma sát thấp để giảm thiểu tổn thương niêm mạc đường thở. Kích cỡ: 15Fr. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	3
172	Van peep bóp bóng	Chất liệu: Nhựa cao cấp, trong suốt, bền, chịu được tiệt khuẩn. Không chứa Latex, không chứa DEHP Kích cỡ: 5 - 20cm H₂O. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	2
173	Ống hút thai các số	Chất liệu nhựa y tế (nhựa PP/PVC) trong suốt, độ cứng phù hợp, bề mặt nhẵn bóng. Có vạch chia độ (theo cm) để xác định độ sâu khi đặt ống. Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	2
174	Thìa nạo rộng	Chất liệu: Thép không gỉ y tế. Thìa có thiết kế rộng hoặc có lỗ nạo để đưa mô ra ngoài dễ dàng. Bề mặt sáng bóng, không hoen gỉ, không có cạnh sắc nhọn ngoài vị trí nạo. Độ cứng cao. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	2
175	Thước đo lòng tử cung	Chất liệu: Nhựa y tế cao cấp (nhựa PE, PVC) hoặc thép không gỉ. Thiết kế: Dạng que mảnh, có độ cứng vừa phải để dễ dàng đưa qua cổ tử cung, có chia vạch. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	4
176	Kéo thẳng 1 đầu nhọn, 1 đầu tù	Chất liệu thép không gỉ cao cấp, đảm bảo cứng cáp, chống gỉ, không bị xỉn màu và chịu được hấp sấy/khử trùng. Kích cỡ: 16cm. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	5

177	Pank thẳng	Chất liệu thép không gỉ cao cấp, chống ăn mòn, chịu được quá trình tiệt trùng. Kích cỡ: 16cm, không máu. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	5
178	Ổng đựng pank	Chất liệu: Inox không gỉ, thép không gỉ y tế, có khả năng chịu được phương pháp hấp tiệt trùng. Kích cỡ: 13cm x 5cm Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	5
179	Bình cầu để bằng	Chất liệu: Thủy tinh. Thể tích 500ml. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	2
180	Đèn cùn	Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	5
181	Quả bóp huyết áp (Bò huyết áp)	Chất liệu: cao su. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	30
182	Sữa tắm	Thành phần: Kim Ngân, Trần Bì, Nhân Châu. Chai 400ml dùng cho trẻ sơ sinh. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	chai	150
183	Acid etching	Dùng trám răng. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Tuýp	20
184	Bông cầm máu	Dùng cầm máu ở răng sau nhỏ. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Miếng	10
185	Chỉ thép buộc cổ định hàm	Dùng trong nha khoa. Kích thước: khoảng 0,8mm hoặc 0,9mm. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cuộn	5
186	Chổi đánh bóng	Dùng đánh bóng răng. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	1.000

187	Composite đặc	Các màu: A1, A2, A3, A4, A3.5. Tuýp/ 4g. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Tuýp	30
188	Composite lỏng	Các màu: A1, A2, A3, A3.5. Tuýp/ 2g. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Tuýp	15
189	Cán gương khám	Dùng trong nha khoa. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	20
190	Cung thép cố định xương hàm	Dùng cố định gãy xương hàm. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	20
191	Đai trám răng	Kim loại/ nhựa. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Lốc	10
192	Dao 3	Dùng trám răng. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cây	5
193	Fuji 9	Màu A3, hộp lớn. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	2
194	Giấy cắn nha khoa	Màu xanh. Hộp/ 10 xấp Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	10
195	Keo trám răng	Dùng trám răng. Lọ: 6g. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Lọ	5
196	Mặt gương khám	Dùng trong nha khoa. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Hộp	3
197	Mũi đánh bóng Composite	Dùng đánh bóng miếng trám. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	20
198	Mũi khoan kim cương hình búp lửa	Dùng trám răng. Vạch đỏ. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	30
199	Mũi khoan kim cương tròn	Dùng trám răng. Vạch xanh dương Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	30

200	Mũi khoan kim cương trụ thuôn đầu nhọn	Dùng trám răng. Vạch vàng. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	30
201	Mũi khoan kim cương trụ thuôn đầu tròn	Dùng trám răng. Vạch xanh lá. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	30
202	Ống chích sắt	Dùng trong nha khoa. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	2
203	Ống hút nước bọt	Dùng trong nha khoa. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Lốc	50
204	Sò đánh bóng	Dùng đánh bóng răng. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Con	1.000
205	Tăm bông nha khoa	Trám răng. Màu vàng. Lọ/ 100 cây. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Lọ	10
206	Khay đựng dụng cụ	Hình chữ nhật làm bằng inox 304 cao cấp, chống gỉ, dễ vệ sinh, tiệt trùng. Kích thước: 30 x 40 x 2cm. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Cái	20
II	HÓA CHẤT			
207	Cidex OPA (hoặc tương đương)	0,55% Ortho-Phthalaldehyde, khử khuẩn mức độ cao dụng cụ y tế, phẫu thuật, thiết bị y tế, dụng cụ nội soi và dụng cụ không chịu nhiệt. Bình/ 5 lít. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Bình	40
208	Cidezyme (hoặc tương đương)	Dung dịch ngâm tẩy rửa dụng cụ enzyme. Bình/ 1 lít. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Bình	25
209	Cồn 90 độ	Chất lỏng trong suốt, không màu, mùi đặc trưng, không có tạp chất cơ học. Chai/ 1000ml. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Chai	30

210	Cồn tuyệt đối	Nồng độ cồn: $\geq 99.5\%$ thể tích. Chai/ 1000ml. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Chai	10
211	Formol dùng trong y tế	Chất lỏng không màu, mùi hắc đặc trưng, tan hoàn toàn trong nước. Chai/ 500ml. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Chai	10
212	Gel siêu âm	Gel cần có độ nhớt thích hợp để dễ dàng bôi lên da. Không gây kích ứng, không chứa các chất độc hại. Can/ 5 lít. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Can	50
213	Thuốc nhuộm Giêm sa	Thành phần: Hỗn hợp của Azure II-Eosin và Azure II (hoặc Methylene Blue-Eosin) hòa tan trong hỗn hợp Glycerol và Methanol tuyệt đối (không chứa acetone). Chai/ 500ml. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Chai	2
214	Nước Javel	Có màu vàng nhạt, mùi hăng, lỏng, đồng nhất, không phân lớp, không có kết tủa. Chai/ 1 lít. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Chai	4.800
215	Presept	Viên sỏi khử khuẩn chứa 2,5g Troclosense Sodium. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS	Viên	400
216	Thuốc rửa phim tự động	Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Bộ	2
217	Phim X-quang nha khoa	Cấu trúc phim: Thường là loại phim có lớp nhũ tương kép để giảm liều lượng bức xạ cần thiết mà vẫn đảm bảo độ sắc nét. Kích thước: 3cm x 4cm. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Tấm	2.100
218	Phim X-quang y tế	Kích thước: 8 x 10 inch (20 x 25cm). Phim không nhiễm	Tấm	28.000

		sáng (sử dụng trong điều kiện ánh sáng môi trường. Cấu tạo gồm 3 lớp : lớp phủ in phim, lớp nền PET, lớp phủ chống tĩnh điện. Tương thích với các máy in phim phun y tế Nice Imaging chuẩn Dicom 3.0 trở lên. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS hoặc tương đương và giấy phép lưu hành tự do tại 1 trong các nước thuộc G7 hoặc châu Âu (CFS) (Kèm theo máy in phim kỹ thuật số)		
219	Vôi sô đa	Thành phần chính: Canxi hydroxit, Natri hydroxit hoặc Kali hydroxit và nước. Hạt thường có dạng trụ, viên tròn hoặc đa giác không đều để tối ưu hóa điện tích tiếp xúc. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Kg	5
220	Dung dịch đa chuẩn máy xét nghiệm nước tiểu mức bình thường	Thực hiện và đạt kết quả trên máy Uri Tex 300, Mission U120, Mission U500. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA.	ML	500
221	Dung dịch đa chuẩn máy xét nghiệm nước tiểu mức cao	Thực hiện và đạt kết quả trên máy Uri Tex 300, Mission U120, Mission U500. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA.	ML	500
III	SINH PHẨM			
222	Que thử đường huyết	Que thử sử dụng cho máy đo đường huyết. Máy cho kết quả đo đường huyết có độ chính xác lên đến 99%. Mẫu thử: máu mao mạch, thể tích lấy mẫu 0.5 μL. Thời gian đo: 5 - 10 giây. Phạm vi đo đường: 20~600 mg/dL, độ phân giải 1 mg/dL (0.1mmol/L). Đạt một trong các tiêu chuẩn: ISO, CE, FDA,	Test	30.000

		TCCS (Kèm theo máy để sử dụng)		
223	Test nhanh chẩn đoán HBeAg	Mẫu: huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần. Độ nhạy $\geq 98\%$, độ đặc hiệu $\geq 99\%$. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, GMP	Test	1.000
224	Test nhanh chẩn đoán HBsAb	Mẫu: huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần. Độ nhạy $\geq 99\%$, độ đặc hiệu $\geq 99,56\%$, độ chính xác $\geq 99,7\%$, thời gian đọc 15 phút. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Test	100
225	Test nhanh chẩn đoán giang mai	Mẫu: huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần. Độ nhạy $\geq 98\%$, độ đặc hiệu $\geq 99\%$. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Test	100
226	Test nhanh chẩn đoán H.Pylori Ab	Mẫu: huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần. Độ nhạy $\geq 99\%$; độ đặc hiệu $\geq 98\%$. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Test	1.000
227	Test nhanh chẩn đoán H.Pylori trong nội soi dạ dày	Chất thử cho xét nghiệm nhanh tầm soát (phát hiện) H.Pylori, trên miếng sinh thiết nội soi dạ dày. Độ nhạy $\geq 99\%$, độ đặc hiệu $\geq 99\%$. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Test	1.000
228	Test nhanh chẩn đoán máu trong phân	Bộ khay thử chẩn đoán phát hiện vết máu trong mẫu phân người. Độ nhạy tương đối: 99,1%; độ đặc hiệu tương đối: 98,5 %; độ lặp lại 100%. Giới hạn phát hiện: 50 ng/ml. Giấy phép lưu hành Bộ Y Tế. Đạt tiêu chuẩn ISO, CFS, GMP. Bảng dữ liệu an toàn sinh học do TURKAK IFA chứng nhận.	Test	300

229	Test nhanh chẩn đoán thai (HCG)	Định tính phát hiện HCG trong nước tiểu. Độ nhạy $\geq 99,9\%$, độ đặc hiệu $\geq 99,5\%$. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Test	1.000
230	Test nhanh chẩn đoán HBsAg	Mẫu: huyết tương, huyết thanh. Độ nhạy $\geq 99,8\%$, độ đặc hiệu $\geq 99,9\%$. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Test	1.200
231	Test nhanh chẩn đoán viêm gan C (HCV)	Mẫu: huyết tương, huyết thanh. Độ nhạy $\geq 99,8\%$, độ đặc hiệu $\geq 99,2\%$. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Test	1.000
232	Test nhanh chẩn đoán kháng nguyên Dengue NS1	Phát hiện kháng nguyên NS1 của virus sốt xuất huyết. Mẫu: huyết tương, huyết thanh, máu toàn phần. Độ nhạy $\geq 95,8\%$; độ đặc hiệu $\geq 96,1\%$. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Test	10.000
233	Test nhanh chẩn đoán viêm gan A (HAV)	Mẫu: huyết tương, huyết thanh. Độ nhạy $\geq 99,4\%$; độ đặc hiệu $\geq 99,2\%$. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Test	800
234	Test nhanh chẩn đoán viêm gan E (HEV)	Mẫu: huyết tương, huyết thanh. Độ nhạy $\geq 98,1\%$; độ đặc hiệu $\geq 98\%$. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Test	800
235	Test nhanh chẩn đoán HIV	Định tính phân biệt kháng thể HIV loại 1 và loại 2 trong huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần của người. Độ nhạy tương đối: 100%; độ đặc hiệu tương đối: $\geq 99,75\%$; độ lặp lại 100%. Giấy phép lưu hành Bộ Y Tế. Đạt tiêu chuẩn ISO, CFS, GMP.	Test	150

236	Test nhanh chẩn đoán sốt rét	Mẫu: Máu toàn phần (thường là máu đầu ngón tay). Độ nhạy $\geq 95\%$; độ đặc hiệu $\geq 98\%$. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Test	50
237	Test thử ma túy 5 chỉ số	Thành phần: AMP/THC/MOP/CODEIN/HEROIN. Độ nhạy $\geq 99\%$; độ đặc hiệu $\geq 99\%$ Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Test	2.000
238	Que thử nước tiểu 10 thông số	Chạy được trên máy Misson U120, Misson U500. Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA.	Test	10.000
IV	VI SINH			
239	Đĩa Cefotiam	Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Đĩa	200
240	Đĩa Cefpiron	Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Đĩa	200
241	Đĩa Doripenem	Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Đĩa	200
242	Đĩa Moxifloxacin	Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Đĩa	200
243	Đĩa Netilmycin Sulfat	Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Đĩa	200
244	Đĩa Tigecyclin	Đạt một trong các tiêu chuẩn ISO, CE, FDA, TCCS.	Đĩa	200

Ghi chú:

- Toàn bộ các hàng hóa phải mới 100%, có nguồn gốc rõ ràng và hợp pháp; tất cả đều được kiểm nghiệm chất lượng;

- Yêu cầu về kiểm tra, thử nghiệm, đóng gói: phải theo đúng quy định của nhà sản xuất;

- Yêu cầu về vận chuyển: hàng hóa phải được vận chuyển đến kho vật tư của Chủ đầu tư.

- Yêu cầu về điều kiện khí hậu tại nơi hàng hóa được sử dụng: nhà thầu phải tự khảo sát hiện trường, nghiên cứu điều kiện khí hậu tại nơi hàng hóa sẽ được sử dụng để có biện pháp bảo trì hàng hóa hợp lý;

- Yêu cầu nhà thầu phải dịch toàn bộ tài liệu gốc sử dụng tiếng nước ngoài sang tiếng Việt Nam (nhà thầu chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản dịch). Trường hợp Chủ đầu tư, Tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu dịch sai, tùy mức độ, Chủ đầu tư, Tổ chuyên gia có thể loại HSĐT của nhà thầu

- Nhà thầu có thể chào các hàng hóa “tương đương” có mức độ đáp ứng bằng hoặc cao hơn so với yêu cầu trong E-HSMT.

- “Tương đương” có nghĩa là có đặc tính kỹ thuật tương tự, có tính năng hoặc công năng sử dụng là tương đương với các hàng hóa nêu trên.

- Hàng trúng thầu được mua theo nhu cầu sử dụng của đơn vị, không nhất thiết phải mua hết số lượng trúng thầu.

- Nhãn hiệu, tên nhà sản xuất hàng hóa nêu trong E-HSMT (nếu có) chỉ mang tính tham khảo, minh họa cho yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa, không phải tiêu chuẩn đánh giá, nhà thầu có thể chào hàng hóa của hãng khác có thông số kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn các hàng hóa nêu trên về đặc tính kỹ thuật

1.3. Các yêu cầu khác

- Cam kết về thu hồi hàng hóa không đủ tiêu chuẩn chất lượng hoặc khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

- Nhà thầu kê khai đầy đủ thông tin theo bảng sau và đính kèm trong Hồ sơ dự thầu bản gốc có đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên và đóng dấu

BẢNG SỐ 1. BẢNG MÔ TẢ, SO SÁNH ĐẶC TÍNH, THÔNG SỐ KỸ THUẬT

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật của E-HSMT	Thông số kỹ thuật tham dự	Tài liệu tham chiếu
1				
2				

....., ngày.....tháng.....năm 2025

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

- Nhà thầu phải cung cấp bảng số 2. Bảng kê khai chi tiết hàng hóa dự thầu (gồm file excel và bản scan có đóng dấu và chữ ký của người đại diện hợp pháp của Công ty) đầy đủ thông tin như sau:

BẢNG SỐ 2. BẢNG KÊ KHAI CHI TIẾT HÀNG HÓA DỰ THẦU

[illegible]

Chúng tôi cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng sự thật. Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về thông tin đã kê khai.

....., ngày.....tháng.....năm 2025

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

1.4. Hướng dẫn trình bày các file trong E-HSDT đăng tải trên Hệ thống:

Các file dữ liệu của hàng hóa đính kèm E-HSDT phải được phân chia riêng biệt theo hướng dẫn như sau:

1. (Folder 1) Tính hợp lệ:

- (File 1) Bảo đảm dự thầu + tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký thư bảo lãnh.

- (File 2) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2. (Folder 2) Năng lực kinh nghiệm:

* (Folder 2.1): Năng lực tài chính (tách từng file)

- (File 1) Xác nhận thực hiện nghĩa vụ thuế

- (File 2) Báo cáo tài chính năm ____ (ví dụ: 2022)

- (File 3) Báo cáo tài chính năm ____ (ví dụ: 2023)

- (File 4) Báo cáo tài chính năm ____ (ví dụ: 2024)

* (Folder 2.2): Hợp đồng tương tự (tách từng file)

- Hợp đồng tương tự 1, bao gồm các file riêng:

+ Hợp đồng;

+ Biên bản nghiệm thu;

+ Biên bản thanh lý;

+ Hóa đơn GTGT;

+ Tờ khai hải quan (trong trường hợp chứng minh mã HS)

- Hợp đồng tương tự 2...

3. (Folder 3) Kỹ thuật:

- (Folder 1): Tài liệu chung (theo yêu cầu Mục 3 Chương III):

- Các cam kết

- Bảng mô tả, so sánh đặc tính, thông số kỹ thuật.

- Bảng kê khai chi tiết hàng hóa dự thầu.

... và các tài liệu liên quan khác (nếu có)

Đối với hàng hóa dự thầu: nhà thầu lập các folder riêng cho từng mặt hàng hoặc các mặt hàng dự thầu có cùng hãng sản xuất hoặc cùng tài

liệu pháp lý, trong mỗi folder đề nghị nhà thầu tách riêng các file tài liệu và đánh số thứ tự mặt hàng theo E-HSMT, ví dụ:

1. (Folder STT 1):

- (File 1) Bản kết quả phân loại thiết bị y tế
- (File 2) Sổ lưu hành (bao gồm: Phiếu tiếp nhận/Phiếu thông tin hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng, giấy chứng nhận đăng ký lưu hành, giấy phép nhập khẩu v.v...)
- (File 3) Chứng nhận chất lượng (bao gồm: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA...)
- (File 4) Catalogue
- (File 5) Instruction for Use
- Các tài liệu liên quan khác (nếu có)....

Lưu ý: đề nghị nhà thầu tách riêng từng file tài liệu kỹ thuật (catalogue/Tài liệu kỹ thuật), không gộp chung tất cả tài liệu kỹ thuật vào 1 file. Yêu cầu đặt tên file đúng theo tên tài liệu dùng để tham chiếu trong Bảng 1 chào đáp ứng kỹ thuật và dùng công cụ đánh dấu (highlight) lên các nội dung kỹ thuật cụ thể chứng minh đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa theo yêu cầu.

2. (Folder STT 2): Trình bày tương tự như trên

Mục 2. Bản vẽ: Không áp dụng

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có:

Khi giao nhận hàng hóa phải tổ chức kiểm tra, nghiệm thu hàng hóa theo yêu cầu của Hợp đồng đã ký. Trong trường hợp kiểm tra hàng hóa không đạt về kỹ thuật, chất lượng bên A sẽ không chấp nhận và trả về cho bên Nhà thầu (bên B) ngay tại địa điểm giao hàng, cụ thể như sau:

Tổ chức nghiệm thu hàng hóa:

- Tổ chức nghiệm thu hàng hóa tại địa điểm giao hàng: Bệnh viện Đa khoa khu vực Cam Ranh (Hàng hóa đã được bốc dỡ khỏi phương tiện vận chuyển, đã được đưa ra khỏi thùng hàng và được phân loại rõ ràng).

- Hàng hoá sẽ được kiểm tra tại địa điểm nhận hàng đến và được Bên mua kiểm tra về số lượng, thông số, tính năng kỹ thuật và tình trạng của hàng hoá.

- Hàng hóa phải được đóng gói, nguyên đai, nguyên kiện kiện theo đúng tiêu chuẩn của nhà sản xuất;

- Kiểm tra hình dáng, kích thước và các thông số kỹ thuật của hàng hóa nếu đáp ứng đầy đủ các yêu cầu đặt ra trong hợp đồng thì được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật;

- Trong trường hợp Bên A có nghi ngờ về chất lượng hàng hóa, hai bên tiến hành thử nghiệm tại một phòng thí nghiệm/ trung tâm kiểm định đạt tiêu chuẩn do bên A chỉ định. Bên B sẽ chịu mọi chi phí thử nghiệm và các chi phí phát sinh khác đồng thời bên A từ chối không nhận hàng hóa.

- Trường hợp hàng hoá nhận được không phù hợp với những quy định của hợp đồng, Chủ đầu tư có quyền từ chối nhận hàng và/hoặc nhà thầu sẽ có trách nhiệm cung cấp miễn phí hàng hoá khác cùng với các thủ tục cần thiết để thay thế những hàng hoá không phù hợp đó, trong vòng 10 ngày sau khi nhận được khiếu nại của chủ đầu tư. Chủ đầu tư sẽ hoàn trả lại số hàng hoá không phù hợp đó theo yêu cầu và bằng chi phí của nhà thầu.

- Trong trường hợp nhà thầu không cung cấp hàng hóa thay thế theo quy định nêu trên thì chủ đầu tư có quyền mua hàng của đơn vị khác để thay thế theo đúng loại hàng hoá ghi trong hợp đồng và nhà thầu phải trả khoản tiền chênh lệch và các chi phí liên quan nếu có.

- Chi phí cho việc kiểm tra, thử nghiệm: Mọi chi phí cho việc kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa đều do nhà thầu chịu trách nhiệm.

- Sau khi hoàn thành các nội dung về kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa, nhà thầu không được miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng.

- Bên B phải cung cấp đầy đủ bộ tài liệu CO, CQ, tờ khai hải quan hợp lệ đúng theo quy định của hợp đồng. Trong trường hợp CO, CQ, Tờ khai hải quan là bản sao y công chứng, nếu Bên A có nghi ngờ thông tin chưa rõ ràng thì Bên B phải cung cấp bản gốc để đối chiếu. Bộ tài liệu này phải gửi cho bên A trước khi tổ chức nghiệm thu giao nhận hàng hóa. Cụ thể:

+ Tờ khai hải quan: Bên B phải cung cấp tờ khai hải quan bản sao (có thể không thể hiện giá trị hàng hóa) có đóng dấu xác nhận của đơn vị nhập khẩu/Nhà thầu.

- Tài liệu kỹ thuật.

PHỤ LỤC I
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN CAM KẾT

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa khu vực Cam Ranh

Sau khi nghiên cứu E-HSMT gói thầu Mua vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm năm 2026

Chúng tôi, [ghi tên nhà thầu], cam kết các nội dung sau:

1. Cam kết về các dịch vụ sau bán hàng: Nếu hàng hóa xảy ra việc không đáp ứng yêu cầu về một trong những yếu tố như: chất lượng, chủng loại, số lượng, khối lượng... như đã nêu trong hợp đồng, hồ sơ mời thầu và hồ sơ thầu dự thầu của nhà thầu, trong vòng tối đa 48 giờ nhà thầu sẽ cung cấp hàng hóa mới cùng loại để thay thế. Trong trường hợp này, nhà thầu có trách nhiệm thu hồi hàng hóa không đạt yêu cầu.

2. Cam kết về tiến độ: Hàng hóa sẽ được cung cấp làm nhiều đợt theo nhu cầu sử dụng của Bệnh viện

3. Cung cấp Tờ khai hải quan tại thời điểm nhập hàng hóa khi có yêu cầu (đối với các hàng hóa nhập khẩu).

4. Hàng hóa cung cấp phải đảm bảo đầy đủ số lượng, chất lượng, kỹ thuật, quy cách hàng hóa và giao hàng tại kho của Bệnh viện.

5. Thời hạn giao hàng là 48 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu giao hàng của Bệnh viện.

6. Thu hồi và đổi trả nếu hàng hóa bị lỗi do nhà sản xuất và lỗi do quá trình vận chuyển đến kho của **Bệnh viện Đa khoa khu vực Cam Ranh** hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của Chủ đầu tư.

7. Các tài liệu trong hồ sơ dự thầu này đều chính xác, nếu có dấu hiệu gian lận hoặc không trung thực thì HSDT xem như không hợp lệ.

8. Chịu trách nhiệm giải trình về giá các mặt hàng tham dự thầu với cơ quan chức năng khi có yêu cầu.

9. Cam kết sau khi trúng thầu sẽ cho Bệnh viện mượn thiết bị tương ứng phục vụ công tác chuyên môn khi có yêu cầu.

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin nêu trên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU

(ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)